TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **22**/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 26/9/2017
V/v: "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang – Cán bộ hưu trí

2. Ông Nguyễn Trọng Di – Cán bộ hưu trí

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc: *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2017/QĐ – HPT, ngày 30 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** bà Nguyễn Huỳnh Diễm H, sinh năm: 1997

Địa chỉ: khu phố 05, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận

***Bị đơn*:** ông Phan Ngọc T, sinh năm: 1991

Địa chỉ: thôn 01, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Diễm H trình bày: Bà và ông Phan Ngọc T sống chung với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau; Đến năm 2015 thì bà với ông T mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn L. Sau khi cưới ông T về nhà bà sống, cuộc sống chung lúc ban đầu có hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2017 vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác và không quan tâm chăm lo cho vợ, con, bà phải sống nhờ vào cha mẹ bà. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng bà ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Ngọc T.

Về con chung: Có 01 con chung là Phan Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/02/2015. Nguyện vọng của bà là nhận nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Phan Ngọc T trình bày: Ông và bà Nguyễn Huỳnh Diễm H sống chung vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau ; Đến năm 2015 thì ông với bà H có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L. Sau khi cưới ông về nhà bà H sinh sống cuộc sống vợ chồng ông vẫn hạnh phúc cho đến khi ông phát hiện bà H ngoại tình với người đàn ông khác. Ông đã khuyên can nhưng bà H không đồng ý quay về với ông và nhất quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: ông và bà H có 01 con chung là Phan Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/02/2015. Nguyện vọng của ông là nhận nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: vợ chồng không có tài sản gì và không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nhận nuôi con của bà Nguyễn Huỳnh Diễm H đối với ông Phan Ngọc T và giao cháu Phan Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/02/2015 cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Ngọc T đã nhận văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án và có mặt khi tòa án ghi lời khai của ông, nhưng đến khi tiến hành hòa giải và công khai việc giao nhận chứng cứ, cũng như khi xét xử tại Tòa án ông không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác địa chỉ của ông đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 172; khoản 3, khoản 5 điều 177 và điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông T, do ông T vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Huỳnh Diễm H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà và ông Phan Ngọc T được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn L, huyện T. Quá trình chung sống do ông T không chung thủy, không quan tâm vợ con nên bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T. Từ tháng 02 năm 2017 đến nay giữa bà và ông T cắt đứt quan hệ, không ai quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà H và ông T không còn nữa, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T.

[3] Về con chung: bà H và ông T có 01 con chung, Phan Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/02/2015. Hiện nay cháu H đang sống với bà H và chưa đủ 36 tháng tuổi. Nguyện vọng của bà H được nhận nuôi con và không yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu bà H là chính đáng căn cứ khoản 3 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu về việc xin được nuôi con của bà H.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản gì và không nợ ai nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà H là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Áp dụng: Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Huỳnh Diễm H đối với ông Phan Ngọc T;

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Huỳnh Diễm H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/02/2015 cho đến khi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà H không được cản trở ông T quyền thăm con.

Về án phí: Bà Nguyễn Huỳnh Diễm H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010921 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2017), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn L;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Trí